

Số: 1805/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu điều chỉnh phân bổ dự toán chi BHXH, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2949/QĐ-BHXH ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy chế Công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Quyết định số 1586/QĐ-BHXH ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2949/QĐ-BHXH;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-BHXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo và kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên thuộc khối cơ quan Trung ương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-BHXH ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2021;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu điều chỉnh phân bổ dự toán chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2021 cho Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội, Ban Quản lý các dự án Công nghệ thông tin, Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam (*Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội, Giám đốc Ban Quản lý các dự án Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Am*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Công thông tin điện tử BHXH Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHĐT (3b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đào Việt Ánh



Phụ lục:

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ DƯ TOÁN CHI BHXH, BHTN; CHI PHÍ QUẢN LÝ BHXH, BHYT, BHTN GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Năm 2021

(Kèm theo Quyết định số 1805/QĐ-BHXH ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam) *lm*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	BHXH	Dự toán chi BHXH, BHTN; chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN
A	B	2
1	TP. Hà Nội	43.038.560
2	TP. Hồ Chí Minh	30.656.393
3	An Giang	2.545.478
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	3.480.967
5	Bạc Liêu	847.778
6	Bắc Giang	4.209.273
7	Bắc Kạn	794.024
8	Bắc Ninh	3.980.445
9	Bến Tre	2.092.226
10	Bình Dương	8.371.175
11	Bình Định	2.560.430
12	Bình Phước	1.786.910
13	Bình Thuận	1.877.546
14	Cà Mau	1.262.373
15	Cao Bằng	1.625.642
16	Cần Thơ	2.436.216
17	Đà Nẵng	5.090.772
18	Đắk Lắk	3.173.574
19	Đắk Nông	551.225
20	Điện Biên	1.018.557
21	Đồng Nai	9.837.644
22	Đồng Tháp	2.018.480
23	Gia Lai	2.248.302
24	Hà Giang	1.207.263
25	Hà Nam	2.619.889
26	Hà Tĩnh	4.049.432
27	Hải Dương	6.205.789
28	Hải Phòng	9.769.027
29	Hậu Giang	865.778
30	Hòa Bình	2.311.482
31	Hưng Yên	3.408.524
32	Khánh Hòa	3.416.648
33	Kiên Giang	1.941.400
34	Kom Tum	838.654
35	Lai Châu	482.181
36	Lạng Sơn	2.048.767
37	Lào Cai	1.553.100

TT	BHXH	Dự toán chi BHXH, BHTN; chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN
A	B	2
38	Lâm Đồng	2.167.103
39	Long An	4.273.067
40	Nam Định	5.792.549
41	Nghệ An	9.957.834
42	Ninh Bình	3.562.900
43	Ninh Thuận	909.565
44	Phú Thọ	5.229.319
45	Phú Yên	1.372.351
46	Quảng Bình	2.894.676
47	Quảng Nam	3.352.019
48	Quảng Ngãi	2.236.310
49	Quảng Ninh	7.029.120
50	Quảng Trị	1.729.274
51	Sóc Trăng	1.393.454
52	Sơn La	2.065.130
53	Tây Ninh	2.558.459
54	Thái Bình	5.851.505
55	Thái Nguyên	5.223.594
56	Thanh Hóa	10.220.725
57	Thừa Thiên Huế	2.706.813
58	Tiền Giang	3.274.238
59	Trà Vinh	1.596.058
60	Tuyên Quang	2.292.643
61	Vĩnh Long	1.680.328
62	Vĩnh Phúc	3.244.970
63	Yên Bái	2.394.795
64	Văn phòng	229.229
65	Viện khoa học BHXH	22.403
66	Trường ĐTNV BHXH	28.542
67	Trung tâm Công nghệ thông tin	21.781
68	Trung tâm Lưu trữ	12.906
69	Tạp chí BHXH	1.964
70	Trung tâm GD BHYT & TTĐT	14.500
71	Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ, chăm sóc khách hàng	14.629
72	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng ngành BHXH	81.236
73	Trung tâm Truyền thông	85.333
74	Ban Quản lý các dự án CNTT	5.082